

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2017

“ *V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Hữu Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2017/TLST- HNGĐ ngày 29/3/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn V, sinh năm 1976;

Bị đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1975; đều cùng ĐKKH và trú tại địa chỉ: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà: Anh V và chị T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2017, bản tự khai ngày 30/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn V trình bày và đề nghị tòa án xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2001 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình là quê của chị T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xóm M, xã K được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách và mối quan hệ với gia đình và chồng nên vợ chồng xảy ra xung đột cãi chửi nhau. Mặc dù anh đã tìm mọi cách khắc phục; được đôi bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Năm 2008 anh đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết việc ly hôn với chị T được Tòa án hòa giải hai bên trở về đoàn tụ nhưng kể từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân không

quan tâm tới nhau. Nay cuộc sống ly thân kéo dài đã 08 năm tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, anh nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Phan Trung N, sinh ngày 30/06/2002 đang do anh nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi con; nếu chị T đề nghị nuôi con thì anh nhường quyền cho chị và có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị 2.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Mai Thị T tại bản tự khai ngày 27/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về hôn nhân: chị xác nhận điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như anh V trình bày. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có quan hệ nam nữ không lành mạnh với người khác rồi về hắt hủi đánh đập chị; mặc dù vậy, chị thấy vẫn còn tình cảm với anh nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung như anh V trình bày là đúng. Trường hợp anh V vẫn quyết ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định của pháp luật; đồng thời tôn trọng ý kiến của con khi có nguyện vọng ở với ai người đó sẽ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị cũng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng khi được Tòa án hỏi ý kiến có nguyện vọng được ở với mẹ là khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đề xuất về việc giải quyết vụ án theo hướng xử lý hôn giữa anh Phan Văn V với chị Mai Thị T; giao con chung cho chị T nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con và án phí: anh V phải đóng góp tiền nuôi con cho chị T và nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Anh V và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tuy vậy, nguyên nhân mỗi bên trình bày có khác nhau; nhưng cả hai bên đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh ý kiến trình bày của mình là có căn cứ. Tuy nhiên, cả anh V cũng như chị T đều thừa nhận có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Mặt khác qua xác minh tại chính quyền địa phương xã K, huyện K, nơi vợ chồng anh V đang sinh sống xác nhận tình trạng hôn nhân giữa họ có xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Việc chị T không đồng ý ly hôn chỉ vì tình cảm đơn phương mà không có bất kỳ biện pháp cụ thể nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V với chị

T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Trung N, sinh ngày 30/06/2002; khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con, anh V cũng đồng ý; mặt khác nguyện vọng của cháu N xin được ở với mẹ là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. HĐXX chấp nhận đề nghị của chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn chị T yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị theo quy định của pháp luật; anh V có ý kiến đề xuất đóng góp 2.000.000đ/tháng đến khi con chung thành niên. Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 06/2017 của trường tiểu học C và K, thì cả hai vợ chồng đều là giáo viên có mức lương của hai người đều trên 7.000.000đ/tháng. Vì vậy, đề xuất mức cấp dưỡng của anh V là phù hợp Điều 82 luật HNGĐ nên HĐXX chấp nhận.

Về tài sản: Do anh V và chị T đều không có yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh V phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326 /2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí toà án.

Xử ly hôn giữa anh Phan Văn V với chị Mai Thị T

Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là Phan Trung N, sinh ngày 30/06/2002; anh V nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với chị T 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2017 đến khi con chung thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

án phí: Anh V phải nộp 300.000^d án phí ly hôn và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 04217 ngày 29/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, còn phải nộp tiếp 300.000^d.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Phan Hữu Ý
(Đã ký)**